

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP THÔNG TIN – THƯ VIỆN TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

TS Ngô Thị Huyền

Trường ĐH KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh

Giới thiệu

Giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV là một phần không thể thiếu được, giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV đã có nhiều chuyển biến để cung cấp nguồn nhân lực có năng lực phù hợp với sự thay đổi của môi trường thông tin, sự phát triển của khoa học và công nghệ, và những đòi hỏi của xã hội.

Những trăn trở về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV nhằm chuẩn bị một thế hệ chuyên gia TT-TV trong tương lai nhận được nhiều sự quan tâm của những người làm công tác giáo dục và làm thực tiễn tại Việt Nam. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới vẫn chưa có cách tiếp cận chung trong giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV. Việc tham khảo hoạt động giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV trên thế giới là cần thiết giúp các nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu và những người làm thực tiễn đưa ra định hướng phát triển phù hợp cho Việt Nam. Bài viết cung cấp một cái nhìn tổng quan về các chương trình đào tạo trong lĩnh vực TT-TV ở các bậc đào tạo khác nhau tại Vương quốc Anh.

1. SƠ LƯỢC VỀ HỆ THỐNG VĂN BẰNG ĐÀO TẠO TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

Vương quốc Anh gồm bốn quốc gia: Anh, Scotland, Wales và Bắc Ireland. Mỗi quốc gia có hệ thống giáo dục riêng nằm dưới sự quản lý của chính phủ thuộc quốc gia đó. Hệ thống giáo dục của bốn quốc gia này mặc dù có một số điểm khác biệt, tuy nhiên đều dựa trên Khung năng lực RQF (Regulated Qualifications Framework) với hệ thống văn bằng được chia thành chín bậc như sau:

- Bậc đầu vào (Entry level): được chia thành ba bậc nhỏ hơn;
- Bậc 1 (Level 1): các chứng chỉ bậc 1 như Level 1 certificate/diploma;
- Bậc 2 (Level 2): các chứng chỉ bậc 2 như Level 2 certificate/diploma;
- Bậc 3 (Level 3): các văn bằng và chứng chỉ bậc 3, ví dụ như A-Level, Level 3 certificate/diploma;

- Bậc 4 (Level 4): các chứng chỉ bậc 4 như Level 4 certificate/diploma;

- Bậc 5 (Level 5): các chứng chỉ bậc 5, ví dụ như dự bị đại học (Foundation degree);

- Bậc 6 (Level 6): các văn bằng như cử nhân khoa (BA, BSc), chứng chỉ sau đại học (graduate certificate/diploma);

- Bậc 7 (Level 7): các văn bằng như thạc sỹ (MA, MSc), chứng chỉ sau đại học (postgraduate certificate/diploma);

- Bậc 8 (Level 8): các văn bằng như tiến sỹ (PhD, Dphil)

2. CÁC KHUNG LÝ THUYẾT NỀN TẢNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP THÔNG TIN – THƯ VIỆN TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

Các cơ sở đào tạo tại Vương quốc Anh dựa trên: (1) Mô hình cơ sở kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp (Professional Knowledge and Skills Base - PKSB) để xây dựng các CTĐT thuộc lĩnh vực TT-TV từ bậc thạc sỹ trở xuống; (2) Khung lý thuyết phát triển nhà nghiên cứu (Researcher Development Framework - RDF) dành cho các CTĐT trình độ tiến sỹ.

2.1. Mô hình cơ sở kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp

Mô hình PKSB đã được Viện Hiến chương Nghề nghiệp Thông tin và Thư viện (Chartered Institute of Library and Information Professionals - CILIP) phát triển sau khi tham vấn sâu rộng với các nhà tuyển dụng, cộng đồng nghề nghiệp thông tin và các cơ sở đào tạo. Mô hình này được sử dụng để đánh giá và kiểm định các chương trình đào tạo nghề nghiệp và học thuật trong lĩnh vực TT-TV.

Mô hình phác thảo các kiến thức và kỹ năng cần có của những người làm việc trong cộng đồng quản lý thư viện, thông tin và tri thức. Mô hình này giúp các cơ sở đào tạo nhận diện được những gì họ cần dạy cho người học, là công cụ giúp những người làm công tác tuyển dụng lựa chọn người lao động và đồng thời cũng là công cụ tự đánh giá giúp các cá nhân nhận diện được những kiến thức

và kỹ năng mà mình còn thiếu để thực hiện việc phát triển nghề nghiệp tiếp tục. Mô hình được tạo thành từ các yếu tố sau:

- Đạo đức và giá trị (Ethics and values) là yếu tố cốt lõi giúp củng cố công việc của các cá nhân trong lĩnh vực thông tin và tri thức;

- Chuyên môn nghề nghiệp và kỹ năng chung (Professional expertise and generic skills) là những bộ kiến thức và kỹ năng chính làm cho nghề nghiệp trong lĩnh vực thông tin và tri thức trở nên độc đáo. Các bộ kiến thức và kỹ năng chính này được chia thành 12 phần nội dung nhỏ hơn, cụ thể:

+ Nhóm chuyên môn nghề nghiệp: tổ chức thông tin và tri thức; quản lý thông tin và tri thức; sử dụng, khai thác thông tin và tri thức; kỹ năng nghiên cứu; quản trị và tuân thủ thông tin; lưu trữ và quản lý hồ sơ; phát triển và quản lý bộ sưu tập; phát triển năng lực học tập và các năng lực khác (literacies).

+ Nhóm kỹ năng chung: lãnh đạo và vận động; quản lý và lập kế hoạch chiến lược; marketing và thiết kế các dịch vụ hướng đến khách hàng; công nghệ thông tin và truyền thông.

- Kiến thức chuyên môn và kỹ năng chung được đặt trong: (1) bối cảnh rộng hơn của lĩnh vực thư viện, thông tin và tri thức (wider library, information and knowledge sector context); (2) bối cảnh tổ chức và môi trường rộng lớn hơn (wider organisation and environmental context) vì điều quan trọng đối với những người làm trong lĩnh vực quản lý thông tin và tri thức là duy trì nhận thức và hiểu biết hiện tại về nghề nghiệp thông tin rộng hơn và có kiến thức tốt về thế giới bên ngoài vượt ra khỏi phạm vi nơi làm việc của họ.

2.2. Khung lý thuyết phát triển nhà nghiên cứu

Khung lý thuyết phát triển nhà nghiên cứu là khung lý thuyết phát triển nghề nghiệp được sử dụng với mục đích lập kế hoạch, thúc đẩy, hỗ trợ sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp của các nhà nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo đại học. Khung lý thuyết chỉ ra kiến thức, hành vi và những đặc tính của một nhà nghiên cứu thành công và khuyến khích họ nhận ra tiềm năng của bản thân.

Khung lý thuyết gồm 04 vùng (domain):

- Vùng A: kiến thức, năng lực hiểu biết và kỹ thuật để thực hiện nghiên cứu (nền tảng kiến thức, năng lực nhận thức và sáng tạo);

- Vùng B: cách tiếp cận và phẩm chất cá nhân để trở thành một nhà nghiên cứu có khả năng gây ảnh hưởng (phẩm chất cá nhân, tự quản lý, phát triển nghề nghiệp và chuyên môn);

- Vùng C: kiến thức về các tiêu chuẩn, yêu cầu và tính chuyên nghiệp khi thực hiện nghiên cứu (dẫn dắt chuyên môn, quản lý nghiên cứu, hiểu biết về tài chính và nguồn lực thực hiện nghiên cứu);

- Vùng D: kiến thức và kỹ năng làm việc với người khác và bảo đảm sự ảnh hưởng của nghiên cứu được thực hiện (cam kết và tác động, giao tiếp và phổ biến kết quả nghiên cứu, làm việc với người khác).

3. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP THÔNG TIN - THƯ VIỆN TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

3.1. Đào tạo trình độ đại học và sau đại học

Cuối những năm 1960, đối với đào tạo nghề thư viện bậc đại học, các cơ sở đào tạo tại Vương quốc Anh cung cấp bằng cử nhân danh dự liên kết (Joint Honours Degrees) với một nửa là các môn học liên quan đến nghề thư viện và một nửa là các môn học thông thường khác. Một thập kỷ sau, bằng cử nhân danh dự riêng (Single Honours Degrees) hoàn toàn dành cho nghề thư viện được chấp nhận và lúc này đây được coi là một nghề nghiệp chuyên môn độc lập.

Trong hệ thống giáo dục của Vương quốc Anh, các chương trình đào tạo thường được cấp phép bởi một tổ chức nghề nghiệp cao nhất thuộc lĩnh vực tương ứng. Các tổ chức nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng của các tiêu chuẩn giáo dục nghề nghiệp và chuyên môn tại quốc gia này. Trong khi đó các cơ sở đào tạo phải đáp ứng các tiêu chuẩn này để nhận được tài trợ từ Hội đồng tài trợ giáo dục đại học (Higher Education Funding Councils) của chính phủ. Chính vì vậy các trường đại học và các tổ chức nghề nghiệp liên kết với nhau để phát triển và cung cấp các chương trình đào tạo

nghề nghiệp và chuyên môn. Tổ chức nghề nghiệp sẽ quyết định cấp phép cho trường đại học thông qua quá trình: xem xét các tài liệu liên quan được nộp từ cơ sở đào tạo và trực tiếp đến đánh giá cơ sở đào tạo đó. Các cá nhân hoàn thành các khóa học được cấp phép sẽ được công nhận một phần hoặc toàn bộ để tham gia vào tổ chức nghề nghiệp và đăng ký phát triển nghề nghiệp tiếp tục.

Đối với lĩnh vực TT-TV, CILIP chịu trách nhiệm cấp phép cho các khóa học từ bậc thạc sỹ trở xuống tại các trường đại học của Vương quốc Anh. Các chương trình đào tạo chủ yếu được cung cấp bởi các khoa/bộ môn như: Nghệ thuật và Nhân văn (Arts and Humanities), Khoa học xã hội (Social Sciences), Truyền thông (Communication and Media), Kinh doanh/quản lý (Business/Management) và Khoa học máy tính (Computer Science). Việc cấp phép các chương trình đào tạo lĩnh vực TT-TV tại Vương quốc Anh được quản lý bởi Hội đồng kiểm định của CILIP (Accreditation Board) với sự hỗ trợ hành chính của Bộ phận thành viên, nghề nghiệp và văn bằng (Membership, Careers and Qualifications Department). Hội đồng kiểm định chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc này nhưng phải báo cáo cho Ban phát triển nghề nghiệp (Professional Development Committee) và từ đó báo cáo cho Hội đồng CILIP.

Để được cấp phép bởi CILIP, các khóa học cần phải đáp ứng được nhu cầu lao động hiện tại cũng như khuynh hướng phát triển

mới trong thực tiễn nghề nghiệp. Tất cả các chương trình đều được đánh giá dựa trên mô hình PKSB.

Theo số liệu từ CILIP, tại thời điểm tháng 7 năm 2019, Vương quốc Anh có 16 cơ sở đào tạo cung cấp tổng cộng 57 khóa học ở các bậc đào tạo khác nhau thuộc lĩnh vực TT-TV được chính thức công nhận bởi CILIP. CILIP cấp phép cho các khóa học về lĩnh vực TT-TV ở bốn bậc đào tạo: đào tạo nghề, bậc 3 và dự bị đại học, đại học và sau đại học (không bao gồm các chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ). Trong hệ thống đào tạo lĩnh vực TT-TV tại Vương quốc Anh, số lượng các cơ sở đào tạo cung cấp các khóa học trình độ sau đại học cao hơn rất nhiều so với bậc đại học. Các cơ sở đào tạo ở Vương quốc Anh có khuynh hướng tập trung vào đào tạo sau đại học cho các ngành thuộc lĩnh vực TT-TV trong khi nhiều quốc gia khác có khuynh hướng tập trung vào đào tạo bậc đại học. Chương trình sau đại học dành cho những người đã có bằng đại học ở bất kỳ lĩnh vực nào ngay sau khi tốt nghiệp hoặc sau khi làm việc trong lĩnh vực TT-TV một thời gian và cần một văn bằng chuyên môn để nhận được mức lương cao hơn. Đồng thời, các khóa học được các cơ sở đào tạo cung cấp với bốn hình thức đào tạo: toàn thời gian (42,5%), bán thời gian (40,6%), học từ xa/học trực tuyến (16,9%). Các số liệu cụ thể được thể hiện trong Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Thống kê các chương trình đào tạo nghề nghiệp TT-TV tại Vương quốc Anh được cấp phép bởi CILIP

Bậc đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Hình thức đào tạo			Số lượng CSĐT	Văn bằng	Ghi chú
		Toàn thời gian	Bán thời gian	Đào tạo từ xa/trực tuyến			
Bậc 3 (Level 3)	02	01			01	A-Level	
Dự bị đại học	01		01		01	FdA	
Đại học	03-04		01	01	02	Cử nhân (BSc, BA)	
Sau đại học	01-02	28	24	11	14	Thạc sĩ (MA, MSc)	
	06 tháng - 02 năm	16	17	6	07	Chứng chỉ sau đại học (Graduate certificate, Post-graduate diploma/certificate)	
Học phần (Modules)			06		02		

Các khoá học (Bảng 2) được cung cấp khá đa dạng tập trung vào các mảng chính như: thư viện, thông tin, lưu trữ, kỹ thuật số và dữ liệu.

Bảng 2. Tên các khóa học do CILIP cấp phép

STT	Tên khoá học tiếng Anh	Tên khoá học dịch sang tiếng Việt	Số lượng CSĐT cung cấp khoá học	Bậc đào tạo
1	Information and library studies	Nghiên cứu thông tin và thư viện	1	Đại học
			4	Sau đại học
2	Library and information management	Quản lý thông tin và thư viện	1	Dự bị đại học
			1	Đại học
			1	Sau đại học
3	Library and information science	Khoa học thông tin và thư viện	1	Sau đại học
4	Management of library and information services	Quản lý các dịch vụ thông tin và thư viện	2	Sau đại học
5	Library science	Khoa học thư viện	1	Sau đại học
6	Librarianship	Nghề thư viện	1	Sau đại học
7	Book history and material culture	Lịch sử sách và văn hoá tài liệu	1	Sau đại học
8	Information science	Thông tin học	3	Sau đại học
9	Information studies	Nghiên cứu thông tin	1	Sau đại học
10	Information management	Quản lý thông tin	4	Sau đại học
11	Knowledge management	Quản lý tri thức	1	Bậc 3
12	Information systems	Các hệ thống thông tin	1	Sau đại học
13	Information management with industrial placement	Quản lý thông tin với đầu tư công nghiệp	1	Sau đại học
14	Information management and preservation	Quản lý và bảo quản thông tin	1	Sau đại học
15	Information capability management	Quản lý năng lực thông tin	1	Sau đại học
16	Health informatics	Tin học sức khoẻ	1	Sau đại học
17	Archives Administration	Quản trị lưu trữ	1	Sau đại học
18	International Archives, Records and Information Management	Lưu trữ quốc tế, quản lý thông tin và hồ sơ	1	Sau đại học
19	Digital Curation	Quản lý số	1	Sau đại học
20	Digital library management	Quản lý thư viện số	1	Sau đại học
21	Digital asset and media management	Quản lý phương tiện và tài sản số	1	Sau đại học
22	Digital media and information studies	Nghiên cứu thông tin và truyền thông số	1	Sau đại học
23	Data science	Khoa học dữ liệu	1	Sau đại học
24	Information and data management	Quản lý dữ liệu và thông tin	1	Sau đại học
25	Museum studies	Nghiên cứu bảo tàng	1	Sau đại học

Mối quan hệ giữa khoa học TT-TV và khoa học máy tính là nét nổi bật trong các chương trình đào tạo với sự xuất hiện của các môn học như: An ninh mạng và an toàn thông tin (Cyber security and information assurance), Hệ thống thông tin (Information systems), Kỹ thuật phần mềm (Software engineering), Lập trình ứng dụng (Applied programming), Công nghệ và hệ thống thông tin (Information systems and technologies). Bên cạnh đó, yếu tố “kỹ thuật số” (digital) cũng có tần suất xuất hiện cao trong tên và nội dung các môn học, ví dụ như: Thông tin số (Digital information), Bảo quản số (Digital preservation), Thư viện số (Digital libraries), Chiến lược kinh doanh số (Digital business strategy), Quản lý tài sản số và truyền thông (Digital asset and media management), Xuất bản số (Digital publishing), Marketing số (Digital marketing), Quyền kỹ thuật số (Digital rights), Năng lực số (Digital literacy). Kể đến yếu tố “quản lý” (management) cũng được chú trọng trong các chương trình đào tạo như: Quản lý lưu trữ (Archive management), Quản lý bộ sưu tập (Collection management), Quản lý thông tin (Information management), Quản lý dự án (Project management). Các môn học về phương pháp nghiên cứu khoa học có mặt trong hầu hết các chương trình đào tạo. Nhìn chung, các khoá học là sự kết hợp giữa khoa học TT-TV và công nghệ.

Những ứng viên cho vị trí công tác nghề nghiệp tại các thư viện đại học và thư viện công cộng tại Vương quốc Anh được khuyến khích có một văn bằng bậc đại học hoặc sau đại học về TT-TV. Tuy nhiên, ở một số bộ phận/cơ quan thông tin khác thì nhân sự có sự hiểu biết về một lĩnh vực ngành nghề chuyên môn khác hoặc có kinh nghiệm về kinh doanh có thể được ưu tiên hơn so với các văn bằng về TT-TV. Hiện nay, các cơ quan TT-TV cũng có khuynh hướng không chỉ sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành TT-TV mà còn sử dụng người tốt nghiệp từ các ngành khác, ví dụ như tuyển dụng những người có bằng cấp về marketing cho vị trí công việc phụ trách mảng marketing cho thư viện. Điều này làm gia tăng áp lực

cho các cơ sở đào tạo nghề nghiệp TT-TV để cung cấp các học phần đáp ứng nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động, ví dụ như thiết kế web, quản trị mạng và sử dụng các công cụ tìm kiếm. Các chủ đề liên quan đến quản trị như quản trị con người, lập kế hoạch, dự thảo ngân sách, lãnh đạo có khuynh hướng ngày càng trở nên cần thiết với nhân lực lao động tiềm năng. Những chủ đề được xem là “hông còn hợp mốt” nữa như phân loại và biên mục một lần nữa nhận được nhiều sự chú ý với vỏ bọc mới là phân loại và siêu dữ liệu (taxonomy và metadata).

Khuynh hướng tại các cơ sở đào tạo tại Vương quốc Anh là dẫn loại bỏ từ “thư viện” (library) ra khỏi các tên khoá học và tập trung nhiều hơn vào thuật ngữ “thông tin” (information) và “quản lý thông tin” (information management).

3.2. Đào tạo nghề

Văn bằng nghề chuyên môn (Vocational Qualifications) cho phép các cá nhân kết hợp vừa làm việc và lấy văn bằng được chấp nhận ở hầu hết các đơn vị sử dụng lao động. Có hai văn bằng nghề cho những cá nhân làm việc ở các cơ quan TT-TV được cấp phép bởi CILIP. Các khoá học được cung cấp bởi hai tổ chức: Tổ chức trao giải quốc gia (National Awarding Organisation - AIM Awards) và Học viện quản lý cơ quan trao giải Anh (British Institute of Innkeeping Awarding Body (BIAB):

- Bậc 2: Chứng chỉ về dịch vụ thư viện, lưu trữ và thông tin (Certificate in Libraries, Archives and Information Services).

- Bậc 3: Chứng chỉ về dịch vụ thư viện, lưu trữ và thông tin (Certificate in Libraries, Archives and Information Services).

3.3. Đào tạo trình độ tiến sĩ

CILIP không cấp phép cho các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc lĩnh vực TT-TV. Thay vào đó, các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Vương quốc Anh nói chung và lĩnh vực TT-TV nói riêng đều dựa trên Khung lý thuyết RDF. Hiện nay, Vương quốc Anh có 11 cơ sở đào tạo cung cấp

chương trình đào tạo lĩnh vực TT-TV trình độ tiến sỹ. Nhìn chung, các hướng nghiên cứu phổ biến dành cho nghiên cứu sinh có thể tập hợp thành các nhóm sau:

- Xã hội kỹ thuật số (Digital Societies);
- Quản lý thông tin và tri thức (Information and Knowledge Management);
- Hệ thống thông tin (Information Systems);
- Thư viện và xã hội thông tin (Libraries and Information Society);
- Nhân văn số (Digital Humanities);
- Tổ chức và truy hồi thông tin (Information Organization and Retrieval);
- Thông tin về sức khỏe (Health Information);
- Phát triển các năng lực (Literacies);
- Phân tích dữ liệu (Data Analytics).

3.4. Đào tạo nghề tiếp tục (Continuing Professional Development - CPD)

Việc hoàn thành các khoá học được cấp phép được cho là không đủ để cung cấp tất cả những cơ hội học tập chính thức mà lĩnh vực nghề nghiệp đòi hỏi. Vì vậy, phát triển nghề nghiệp tiếp tục được xem là quan trọng đối với những người mong muốn cập nhật các kiến thức và kỹ năng trong môi trường làm việc cạnh tranh ngày càng tăng. Vào năm 2005, CILIP đã giới thiệu Khung lý thuyết về văn bằng (Framework of Qualification). Điều này cho phép các thành viên của CILIP có cơ hội làm cho tư cách hội viên của họ có hiệu lực trở lại nếu họ có thể cung cấp minh chứng là họ tham gia vào các chương trình đào tạo nghề tiếp tục và những đánh giá cá nhân về kết quả đầu ra của các chương trình mà họ đã tham gia.

Khung lý thuyết về văn bằng bao gồm ba mức độ đăng ký nghề nghiệp từ thấp lên cao: đã được chứng nhận (certification), đủ tư cách hành nghề (chartership) và hội viên có chuyên môn cao (fellowship), cụ thể:

- Mức đã được chứng nhận: nhắm đến những người bắt đầu sự nghiệp chuyên nghiệp hoặc muốn đạt được sự công nhận về kiến thức và kỹ năng mà họ đã phát triển khi làm việc ở một vị trí liên quan đến tri thức, thông tin và thư viện.

- Mức đủ tư cách hành nghề là cấp độ đăng ký chuyên nghiệp cho những người làm việc trong lĩnh vực thông tin muốn được công nhận về kỹ năng, kiến thức và ứng dụng những điều này dưới dạng thực hành phản xạ.

- Mức hội viên có chuyên môn cao là cấp đăng ký chuyên nghiệp cao nhất và dành cho thành viên có đủ tư cách hành nghề, giữ một vị trí cấp cao trong một tổ chức hoặc có đóng góp đáng kể cho ngành nghề thông tin.

Các cá nhân tự đánh giá năng lực dựa trên Khung lý thuyết PKSB để xác định những năng lực nghề nghiệp cần phải được cải thiện. Sau đó họ sẽ đăng ký với CILIP và được xác định người cố vấn nghề nghiệp phù hợp để phát triển năng lực theo nhu cầu. Các cá nhân cần thường xuyên đánh giá lại năng lực (revalidation) ở cả ba mức độ nói trên ít nhất một lần mỗi năm để đảm bảo sự phát triển nghề nghiệp tiếp tục và cập nhật các kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết. CILIP uỷ nhiệm cho các cá nhân, trao cho họ các chữ sau tên (MCLIP) nếu họ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn thành viên.

Kết luận

Có thể thấy rằng, giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV tại Vương quốc Anh có khuynh hướng tập trung vào bậc đào tạo sau đại học và đào tạo nghề nghiệp tiếp tục. Điều này chính là sự khác biệt khi so sánh với giáo dục và đào tạo nghề nghiệp TT-TV tại Việt Nam. Đồng thời, về nội dung đào tạo, các khóa học ngày càng hướng đến sự kết hợp giữa khoa học TT-TV và công nghệ cũng như các yếu tố liên ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **CILIP.** Truy cập tại <https://www.cilip.org.uk>
2. **UK Government.** Truy cập tại <https://www.gov.uk>